

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/HN-ST

Ngày: 08/9/2022

V/v Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- TH2nh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Minh

Ông Điều Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tân Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 63/2022/TLST-HNGĐ ngày 05/5/2022, về việc: Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22/8/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1967

Địa chỉ: Tổ 2, ấp SD, phường AL, thị xã BL, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Dương Tất P1, sinh năm 1983

Địa chỉ: Tổ 6, khu phố PS, phường AL, thị xã BL, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Đinh Thị P, sinh năm 1971

Địa chỉ: Tổ 1, khu phố BT, phường AL, thị xã BL, tỉnh Bình Phước.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Thị H1, sinh năm 1993 (xin vắng mặt)

HKTT: Tổ 2, ấp SD, phường AL, thị xã BL, tỉnh Bình Phước.

2. Nguyễn Văn H2, sinh năm 1990 (xin vắng mặt)

HKTT: Tổ 2, ấp SD, phường AL, thị xã BL, tỉnh Bình Phước.

3. Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 2001 (xin vắng mặt)

HKTT: Tổ 2, ấp SD, phường AL, thị xã BL, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ông Nguyễn Văn H và bà Đinh Thị P trước đây là vợ chồng, ngày 06/02/2010 ông H và bà P ly hôn. Ngày 20/1/2010 giữa ông H và bà P đã tự thỏa thuận về việc chia tài sản chung. Cụ thể như sau:

Chia cho bà Đinh Thị P một thửa đất ở ấp 3, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. Chia cho ông Nguyễn Văn H một thửa đất tại tổ 2, ấp Sóc Du, phường An Lộc, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước. Thỏa thuận giữa hai bên đã được lập biên bản, có xác nhận của Trưởng ấp Sóc Du và chứng thực của Ủy ban nhân dân phường An Lộc.

Thửa đất mà bà P và ông H thỏa thuận chia cho ông H nay là thửa đất số 152, tờ bản đồ số 11, diện tích 4.139,7m². Sau khi thỏa thuận chia tài sản chung thì ông Nguyễn Văn H đã ký kết các giấy tờ, thủ tục liên quan để chuyển quyền sử dụng đất cho bà Đinh Thị P. Nhưng bà P từ chối ký các thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho ông H.

Ông H yêu cầu: Công nhận bản tự kê khai tài sản và tự chia tài sản chung lập ngày 20/01/2010 là hợp pháp. Buộc bà Đinh Thị P ký hồ sơ cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 152, tờ bản đồ số 11, diện tích 4.139,7m² cho ông Nguyễn Văn H.

Bà Đinh Thị P trình bày: Sau khi ly hôn, ông Nguyễn Văn H ép bà P phải nhận thửa đất ở ấp 3A, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. Giá trị thửa đất mà bà P được chia là rất thấp so với thửa đất chia cho ông H. Nay bà P yêu cầu ông Nguyễn Văn H cho ba người con chung giữa bà P và ông H gồm: Nguyễn Văn H2, Nguyễn Thị H1 và Nguyễn Thị Thu T mỗi người một lô đất có diện tích chiều ngang 5m, chiều sâu hết thửa đất đã chia cho ông H. Nếu ông H không đồng ý cho các con đất thì bà P không đồng ý ký kết các thủ tục giấy tờ để chuyển quyền sử dụng đất cho ông H như ông H yêu cầu.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm Nguyễn Văn H2, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị Thu T đều xin vắng mặt tại phiên tòa, lời khai của họ thể hiện như sau: Hai thửa đất tại ấp 3A, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước và tại ấp Sóc Du, phường An Lộc, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước đều là tài sản chung của ông Nguyễn Văn H và bà Đinh Thị P. Các tài sản này đều do ông H, bà P nhận chuyển nhượng đất khi họ còn nhỏ và họ không có đóng góp gì vào việc nhận chuyển nhượng đất. Khi ông H, bà P ly hôn thì hai người thỏa thuận chia tài sản như thế nào họ không rõ, chỉ biết là bà P lấy thửa đất tại xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành còn ông H lấy thửa đất ở ấp Sóc Du, phường An Lộc, thị xã Bình Long. Thửa đất ở Chơn Thành thì bà P đã bán cho người khác còn thửa đất ở ấp Sóc Du, phường An Lộc thì ông H cũng đã tách ra một phần chuyển nhượng cho người khác, phần còn lại thì ông H sử dụng cho tới nay.

Anh H2, chị H1, chị T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H. Anh H2 và chị T yêu cầu ông H phải cam kết là toàn bộ tài sản của ông H phải thuộc về ba người con khi ông H chết; chị H1 yêu cầu ông H phải tách cho anh H2 một lô đất.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký tòa án và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án. Xác định đúng người tham gia tố tụng, xác minh thu thập chứng cứ đúng pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa thì thừa đất tại ấp Sóc Du, phường An Lộc đã được hai bên thỏa thuận chia cho ông Nguyễn Văn H. Nay bà Đinh Thị P không đồng ý chuyển quyền sử dụng đất cho ông H là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Ông Nguyễn Văn H khởi kiện bà Đinh Thị P yêu cầu công nhận việc chia tài sản chung sau khi ly hôn, tòa án xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung: Ông Nguyễn Văn H yêu cầu giải quyết việc chia tài sản sau khi ly hôn nên áp dụng các Điều 59, 62 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 213, 219 Bộ luật dân sự để giải quyết.

[3] Về nội dung tranh chấp: Theo lời trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì ông Nguyễn Văn H và bà Đinh Thị P khi còn chung sống vợ chồng đã tạo lập được các tài sản chung gồm có: Thừa đất số 198, tờ bản đồ số 13, diện tích 225,2m², địa chỉ tại ấp 3A, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước; thừa đất số 67, tờ bản đồ số 11, diện tích 5.160,1m², địa chỉ tại Ấp Sóc Du, xã An Phú, huyện Bình Long (nay là Ấp Sóc Du, phường An Lộc, thị xã Bình Long), tỉnh Bình Phước.

Ngày 06/02/2010 ông H và bà P ly hôn theo quyết định Công nhận thuận tình ly hôn số 07/2010/QĐLH của Tòa án nhân dân huyện Bình Long, tỉnh Bình Phước.

Ngày 20/01/2010 ông H và bà P lập biên bản tự chia tài sản chung, theo biên bản này thì ông H được chia một mảnh vườn ở tổ 2, ấp Sóc Du, phường An Lộc, thị xã Bình Long và một nhà xây kèm theo các công trình phụ; Bà P được chia một lô đất ở ấp 3A, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, có diện tích 225,2m² và 04 phòng trọ trên thửa đất. Biên bản tự chia tài sản này có xác nhận của ông Trưởng ấp Sóc Du và có chứng thực của Ủy ban nhân dân phường An Lộc.

Sau khi thỏa thuận chia tài sản như đã nêu trên thì hai bên đã tự nguyện thực hiện theo cam kết, không có tranh chấp gì; bà P nhận tài sản chung là thửa đất tại ấp 3A, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành cùng với 04 phòng trọ trên đất, tới năm 2014 bà P đã chuyển nhượng thửa đất này cùng với tài sản trên đất cho người khác, thủ tục chuyển nhượng có sự ủy quyền của ông H, tiền chuyển nhượng đất do bà P sử dụng. Ông Nguyễn Văn H sử dụng thửa đất tại ấp Sóc Du, phường An Lộc đến năm 2020 ông H cũng đã tách ra một phần chuyển nhượng cho người khác và tự nhận tiền, tự sử dụng tiền chuyển nhượng đất.

Như vậy là giữa ông H và bà P đã có thỏa thuận tự nguyện chia tài sản chung, mặc dù việc chia tài sản này có liên quan đến quyền sử dụng đất nhưng hai bên chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên từ năm 2010 khi hai bên lập biên bản thỏa thuận chia tài sản chung thì hai bên đã tự nguyện thực hiện theo biên bản, tài sản đã thỏa thuận chia cho ai thì người đó tự quản lý sử dụng và định đoạt. Phía bà P đã chuyển nhượng phần tài sản được chia cho người khác nhưng nay ông H có nhu cầu chuyển quyền sử dụng đất cho riêng mình mà bà P lại không đồng ý là không phù hợp, cần chấp nhận yêu cầu của ông H.

Thửa đất tại ấp Sóc Du, phường An Lộc, sau khi tách một phần chuyển nhượng cho người khác, phần còn lại được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Hộ ông Nguyễn Văn H và bà Đinh Thị P, thuộc thửa đất số 152, tờ bản đồ số 11, diện tích 4.139,7m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 954231 cấp ngày 16/9/2020. Mặc dù thửa đất này cấp cho hộ ông H bà P nhưng các con của ông H, bà P gồm Nguyễn Văn H2, Nguyễn Thị H1 và Nguyễn Thị Thu T đều thừa nhận đây là tài sản được vợ chồng ông H tạo lập, anh H2, chị H1 và chị T không có đóng góp gì. Vì vậy việc Ủy ban nhân dân thị xã Bình Long và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông H là không chính xác vì đây không phải là tài sản của hộ gia đình. Như đã phân tích ở trên là tài sản chung giữa ông H và bà P đã được phân chia, thửa đất số 152 thuộc quyền sử dụng của ông H nên nay anh H2, chị H1, chị T không đồng ý chuyển quyền sử dụng đất cho ông H là không phù hợp, cần buộc họ phải thực hiện việc ký kết các thủ tục để chuyển quyền sử dụng đất cho ông H.

[6] Về án phí: Đây là trường hợp tranh chấp quyền sở hữu tài sản mà không phải xem xét đến giá trị tài sản, chỉ xem xét quyền sở hữu tài sản thuộc về ai nên căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì các đương sự chỉ phải chịu án phí không có giá ngạch.

[7] Ý kiến của Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước phát biểu tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng các điều 59, 62 Luật hôn nhân và gia đình, các điều 213, 219 Bộ luật dân sự.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H. Buộc bà Đinh Thị P, anh Nguyễn Văn H2, chị Nguyễn Thị H1, chị Nguyễn Thị Thu T phải thực hiện việc ký kết các thủ tục chuyển quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 152, tờ bản đồ số 11, diện tích 4.139,7m², tại địa chỉ Ấp Sóc Du, phường An Lộc, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước cho ông Nguyễn Văn H.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bà Đinh Thị P, anh Nguyễn Văn H2, chị Nguyễn Thị H1, chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Nguyễn Văn H 5.000.000đ (năm triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã đóng tại biên lai thu số 0002682 ngày 04/5/2022 của Chi cục Thi hành án nhân sự thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:

- TAND T Bình Phước;
- VKSND TX Bình Long;
- THA DS TX Bình Long;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

(đã ký)

Phạm Bình